

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Hà Nội, tháng 01 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 (gọi tắt là "Công ty") là Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 010017018 ngày 27 tháng 4 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 10 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 31/03/2010.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: HUD101 Construction Joint Stock Company

Tên viết tắt: HUD101., JSC

Trụ sở chính : Số 11 Phương Liệt, phường Đình Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Quang Đạo	Chủ tịch	Bổ nhiệm theo Nghị quyết số 07/BT-HĐQT ngày 29/07/2010
Ông Nguyễn Đình Học	Chủ tịch	Miễn nhiệm theo Nghị quyết số 07/BT-HĐQT ngày 29/07/2010
Ông Dương Tất Khiêm	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đức Khương	Ủy viên	
Ông Đỗ Quang Hoa	Ủy viên	
Bà Vũ Thị Hồng Liễu	Ủy viên	

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Khương	Giám đốc
Ông Đoàn Văn Đức	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Quang Hoa	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Nguyễn Đức Khương

Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN
về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
 Các cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101 (gọi tắt là “Công ty”). Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tuân theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng có liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày trên, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Quế Dương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1382/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Ngô Kiều Anh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1314/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		110.675.455.459	87.621.528.659
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	15.190.920.113	17.102.723.174
1. Tiền	111		15.190.920.113	17.102.723.174
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.552.854.602	28.192.903.820
1. Phải thu khách hàng	131		53.325.282.322	25.926.240.723
2. Trả trước cho người bán	132		155.756.000	2.213.569.301
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	71.816.280	53.093.796
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	36.589.123.258	40.459.604.050
1. Hàng tồn kho	141		36.589.123.258	40.459.604.050
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		5.342.557.486	1.866.297.615
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	40.000.000	50.337.847
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	5.302.557.486	1.815.959.768
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)	200		7.982.269.260	9.586.268.652
II- Tài sản cố định	220		5.397.122.626	5.331.797.941
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	5.397.122.626	5.331.797.941
- Nguyên giá	222		8.468.477.172	7.443.866.258
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.071.354.546)	(2.112.068.317)
V- Tài sản dài hạn khác	260		2.585.146.634	4.254.470.711
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	2.585.146.634	4.254.470.711
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		118.657.724.719	97.207.797.311

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		106.018.183.562	84.066.301.400
I- Nợ ngắn hạn	310		106.018.183.562	84.066.301.400
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	47.420.050.564	35.116.260.336
2. Phải trả người bán	312		52.722.109.523	28.981.000.653
3. Người mua trả tiền trước	313		2.680.576.640	16.590.235.822
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	2.355.522.107	2.148.249.156
6. Chi phí phải trả	316		-	83.164.220
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.10	836.747.479	1.127.051.744
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.177.249	20.339.469
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		12.639.541.157	13.141.495.911
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.11	12.639.541.157	13.141.495.911
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.600.000.000	10.600.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		698.399.428	159.718.461
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		294.388.703	159.718.461
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.046.753.026	2.222.058.989
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		118.657.724.719	97.207.797.311

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Hồng Liễu

Nguyễn Đức Khương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.12	160.451.874.901	155.464.695.305
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.13	-	381.559.235
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.14	160.451.874.901	155.083.136.070
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	153.787.996.988	148.656.404.949
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.663.877.913	6.426.731.121
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	5.835.152.133	2.784.689.523
7. Chi phí tài chính	22	5.17	5.635.985.892	2.659.268.193
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.580.453.217</i>	<i>2.659.268.193</i>
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.18	4.803.004.466	4.255.846.936
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		2.060.039.688	2.296.305.515
11. Thu nhập khác	31		819.828.182	506.371.429
12. Chi phí khác	32		619.237.168	109.272.109
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.19	200.591.014	397.099.320
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.260.630.702	2.693.404.835
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	565.157.675	471.345.845
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.695.473.027	2.222.058.990
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	1.600	2.096

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Hồng Liễu

Nguyễn Đức Khương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010	Năm 2009
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	131.108.139.905	160.184.972.665
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(80.644.884.656)	(139.375.897.527)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(30.858.277.014)	(29.198.423.944)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(5.840.845.411)	(2.576.103.973)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(424.144.030)	(584.966.846)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	87.942.266	1.389.272.945
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(471.243.851)	(2.518.114.648)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.956.687.209	(12.679.261.328)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.758.999.779)	(134.190.142)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	612.500.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	932.897.126	963.815.468
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(213.602.653)	829.625.326
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	58.104.103.520	78.050.065.432
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(71.274.991.137)	(59.642.686.282)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.484.000.000)	(756.840.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.654.887.617)	17.650.539.150
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(1.911.803.061)	5.800.903.148
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	17.102.723.174	11.301.820.026
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	15.190.920.113	17.102.723.174

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Hồng Liễu

Nguyễn Đức Khương

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 (gọi tắt là "Công ty") là Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 010017018 ngày 27 tháng 4 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 10 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 31/03/2010.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	540.600	5.406.000.000	51%
Các cổ đông khác	519.400	5.194.000.000	49%

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm 2010 bao gồm:

- Xây dựng, lắp đặt các công trình, hạng mục công trình xây dựng: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, buru chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp;
- Xây dựng, lắp đặt: thiết bị kỹ thuật công trình xây dựng, hệ thống cứu hỏa;
- Trang trí nội thất các công trình, hạng mục công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; cho thuê giàn giáo cốp pha;
- Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, phục vụ công nghệ xây dựng; Sản xuất, mua bán các cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Trong năm, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2010.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyên đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên tính giá theo phương pháp đích danh.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2010</u>
	Số năm
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 07

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập có hiệu lực tại ngày lập Báo cáo tài chính là 25%. Thu nhập chịu thuế được xác định căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	26.684.288	461.595.362
Tiền gửi ngân hàng	15.164.235.825	16.641.127.812
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tổng	15.190.920.113	17.102.723.174

5.2 Phải thu khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Bảo hiểm y tế	71.157.236	-
Bảo hiểm thất nghiệp	43.216	-
Phải thu khác	615.828	53.093.796
Tổng	71.816.280	53.093.796

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	3.454.545	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	36.585.668.713	40.459.604.050
Tổng	36.589.123.258	40.459.604.050

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	50.337.847	139.239.903
Tăng	845.928.639	481.896.059
Phân bổ vào chi phí trong năm	856.266.486	570.798.115
Tại ngày 31 tháng 12	40.000.000	50.337.847

Chi tiết theo nội dung

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền thuê xe ô tô 5 tháng năm 2011	40.000.000	-
Tổng	40.000.000	-

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	5.042.067.300	1.815.959.768
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	260.490.186	-
Tổng	5.302.557.486	1.815.959.768

5.6 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2010	7.048.686.220	317.695.000	77.485.038	7.443.866.258
Tăng trong kỳ	939.060.433	672.352.182	-	1.611.412.615
Mua trong kỳ	-	672.352.182	-	672.352.182
Tăng khác	939.060.433	-	-	939.060.433
Giảm trong kỳ	469.106.701	117.695.000	-	586.801.701
Thanh lý, nhượng bán	469.106.701	117.695.000	-	586.801.701
Số dư tại 31/12/2010	7.518.639.952	872.352.182	77.485.038	8.468.477.172
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2010	2.017.024.928	71.282.500	23.760.889	2.112.068.317
Tăng trong kỳ	1.063.848.408	112.110.470	13.901.884	1.189.860.762
Khấu hao trong kỳ	1.063.848.408	112.110.470	13.901.884	1.189.860.762
Giảm trong kỳ	201.150.783	29.423.750	-	230.574.533
Thanh lý, nhượng bán	201.150.783	29.423.750	-	230.574.533
Số dư tại 31/12/2010	2.879.722.553	153.969.220	37.662.773	3.071.354.546
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2010	5.031.661.292	246.412.500	53.724.149	5.331.797.941
Tại 31/12/2010	4.638.917.399	718.382.962	39.822.265	5.397.122.626

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 4.356.264.326

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	4.254.470.711	3.187.304.227
Tăng	101.294.737	2.694.163.612
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	1.770.618.814	1.626.997.128
Tại ngày 31 tháng 12	2.585.146.634	4.254.470.711

Chi tiết theo nội dung

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
CCDC phục vụ thi công công trình	2.557.093.724	4.105.975.819
Công cụ dụng cụ phục vụ quản lý	28.052.910	148.494.892
Tổng	2.585.146.634	4.254.470.711

5.8 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	47.420.050.564	35.116.260.336
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (1)	38.694.247.977	28.260.580.336
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (2)	8.725.802.587	6.855.680.000
Tổng	47.420.050.564	35.116.260.336

- (1) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐ ngày 19/04/2010 với mục đích bổ sung vốn lưu động, hạn mức tín dụng 40 tỷ đồng, lãi suất được xác định cụ thể theo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm vay. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay từng lần. Tài sản đảm bảo cho hợp đồng này là một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của Công ty. Tổng giá trị tài sản thế chấp theo Biên bản định giá ngày 30/03/2010 và Biên bản định giá ngày 20/05/2010 là 4.356.264.356 đồng.
- (2) Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 00163/HĐHMTD/TCB ngày 25/08/2010, tổng hạn mức tín dụng theo hợp đồng là 30 tỷ đồng, kỳ hạn vay bình quân 8 tháng, lãi suất theo từng lần giải ngân. Các khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng cung cấp hạn mức bảo lãnh số 00165/HĐHM/TCB ngày 15/08/2010, hạn mức bảo lãnh 20 tỷ đồng, thời hạn cấp bảo lãnh 12 tháng kể từ ngày 25/08/2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.961.027.622	1.894.768.317
Thuế thu nhập doanh nghiệp	394.494.485	253.480.839
Tổng	2.355.522.107	2.148.249.156

5.10 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	49.905.457	52.829.613
Bảo hiểm xã hội	71.200.452	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	715.641.570	1.074.222.131
- <i>Phải trả các đội thi công</i>	<i>174.109</i>	<i>1.074.222.131</i>
- <i>Lãi vay phải trả Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (từ ngày 25-31/12/2010)</i>	<i>66.747.461</i>	-
- <i>Phải trả cổ tức</i>	<i>648.720.000</i>	-
Tổng	836.747.479	1.127.051.744

5.11 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	5.406.000.000	5.406.000.000
Nguyễn Việt Thịnh	200.000.000	200.000.000
Dương Tất Khiêm	150.000.000	150.000.000
Nguyễn Đức Khương	200.000.000	200.000.000
Phạm Văn Ân	200.000.000	200.000.000
Vũ Tuấn Linh	200.000.000	200.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	4.244.000.000	4.244.000.000
Tổng	10.600.000.000	10.600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.11 Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Bảng đối chiếu biến động vốn của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2009	10.600.000.000	44.215.321	44.215.321	179.245.221
Tăng trong năm	-	115.503.140	115.503.140	2.379.388.349
Lãi/lỗ	-	-	-	2.222.058.989
Phân phối lợi nhuận	-	115.503.140	115.503.140	-
Tăng khác (*)	-	-	-	157.329.360
Giảm trong năm	-	-	-	336.574.581
Trích quỹ	-	-	-	336.574.581
Số dư tại 31/12/2009	10.600.000.000	159.718.461	159.718.461	2.222.058.989
Số dư tại 01/01/2010	10.600.000.000	159.718.461	159.718.461	2.222.058.989
Tăng trong kỳ	-	538.680.967	134.670.242	1.695.473.027
Lãi năm nay	-	-	-	1.695.473.027
Phân phối lợi nhuận	-	538.680.967	134.670.242	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	2.870.778.990
Tạm trích cổ tức 2010	-	-	-	648.720.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	738.058.990
Chia cổ tức 2009	-	-	-	1.484.000.000
Số dư tại 31/12/2010	10.600.000.000	698.399.428	294.388.703	1.046.753.026

(*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp quý 4 năm 2008 được giảm theo Thông tư số 03/2010/TT - BTC ngày 13 tháng 01 năm 2010 hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ - CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội

c. Giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	10.600.000.000	10.600.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	10.600.000.000	10.600.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.484.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.11 Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	Năm 2010	Năm 2009
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.060.000	1.060.000
Cổ phiếu phổ thông	1.060.000	1.060.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.060.000	1.060.000
Cổ phiếu phổ thông	1.060.000	1.060.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	10.000	10.000

5.12 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	256.611.207	37.931.413.077
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.726.140.000	1.964.547.272
Doanh thu hoạt động xây lắp	158.469.123.694	115.568.734.956
Tổng	160.451.874.901	155.464.695.305

5.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	381.559.235
Tổng	-	381.559.235

5.14 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	256.611.207	37.931.413.077
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.726.140.000	1.964.547.272
Doanh thu hoạt động xây lắp	158.469.123.694	115.187.175.721
Tổng	160.451.874.901	155.083.136.070

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.15 Giá vốn

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	256.611.207	36.839.507.250
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.779.056.947	1.104.113.107
Giá vốn hoạt động xây lắp	151.752.328.834	110.712.784.592
Tổng	153.787.996.988	148.656.404.949

5.16 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.835.152.133	2.013.159.845
Hỗ trợ lãi suất	-	771.529.678
Tổng	5.835.152.133	2.784.689.523

5.17 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền vay	5.580.453.217	2.659.268.193
Thu phí quản lý tài sản	55.532.675	-
Tổng	5.635.985.892	2.659.268.193

5.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.235.817.933	2.747.427.703
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	207.147.170	241.855.245
Chi phí khấu hao TSCĐ	101.742.819	50.746.254
Thuế, phí và lệ phí	213.017.205	12.090.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	405.518.780	1.037.064.006
Chi phí khác bằng tiền	639.760.559	166.663.226
Tổng	4.803.004.466	4.255.846.936

5.19 Lợi nhuận khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu nhập khác	819.828.182	506.371.429
Thanh lý TSCĐ	819.828.182	137.371.429
Thưởng hoàn thành tiến độ	-	369.000.000
Chi phí khác	619.237.168	109.272.109
Giá trị còn lại của TSCĐ, thiết bị thi công thanh lý	619.237.168	109.272.109
Lợi nhuận khác	200.591.014	397.099.320

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.260.630.702	2.693.404.835
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	2.260.630.702	2.693.404.835
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN	565.157.675	673.351.209
Thuế TNDN được giảm	-	202.005.364
Chi phí thuế TNDN hiện hành	565.157.675	471.345.845

5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.695.473.027	2.222.058.990
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.695.473.027	2.222.058.990
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.060.000	1.060.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.600	2.096

5.22 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	106.102.306.977	101.535.199.563
Chi phí nhân công	34.218.204.897	29.198.423.944
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.189.860.762	1.502.022.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.189.367.893	32.630.190.860
Chi phí khác bằng tiền	4.073.565.302	2.755.251.612
Tổng	153.773.305.831	167.621.088.952

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính năm 2010 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

Bên liên quan	Môi quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		Tiền lương, tiền thưởng	580.137.705	285.447.380

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Môi quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển HUD 1	Công ty mẹ	Giao dịch bán	56.661.740.515	86.636.420.390
		Giao dịch mua	209.529.982	-
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị	Tập đoàn	Giao dịch bán	51.326.181.362	24.691.204.546
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD 4	Cùng Tập đoàn	Giao dịch bán	-	11.243.440.048
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02	Cùng Công ty mẹ	Giao dịch bán	-	3.238.412.666
Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà và Đô thị HUD8	Cùng Tập đoàn	Giao dịch bán	26.387.405.454	18.254.368.182
Công ty CP Đầu tư và Phát triển BĐS HUDLAND	Cùng Tập đoàn	Giao dịch bán	17.499.621.818	-
Công ty CP ĐTPT Nhà đô thị và Khu thể thao Giải trí	Cùng Tập đoàn	Giao dịch bán	1.903.780.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD101

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Số dư tại 31/12/2010	Số dư tại 01/01/2010
Phải thu khách hàng			50.919.967.929	10.648.177.990
Công ty CP Đầu tư và Phát triển HUD 1	Công ty mẹ	Công nợ	14.134.011.337	5.578.566.132
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02	Cùng Công ty mẹ	Công nợ	800.333.299	1.300.333.299
Công ty CP đầu tư XD đô thị Việt Nam	Cùng Tập đoàn	Công nợ	2.381.616.556	2.681.616.556
Công ty CP ĐT và PT Nhà và Đô thị HUD8	Cùng Tập đoàn	Công nợ	14.560.901.000	-
Công ty CP ĐT và Phát triển Bất động sản HUDLAND	Cùng Tập đoàn	Công nợ	1.682.316.837	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD 4	Cùng Tập đoàn	Công nợ	-	1.087.662.003
Tập đoàn PT Nhà và Đô thị	Tập đoàn	Công nợ	17.360.788.900	-
Người mua trả tiền trước			861.524.000	4.677.111.000
Tập đoàn PT Nhà và Đô thị	Tập đoàn	Công nợ	-	991.419.000
Công ty CP ĐT và PT Nhà và Đô thị HUD8	Cùng Tập đoàn	Công nợ	-	3.685.692.000
Công ty CP ĐTPPT Nhà đô thị và Khu thể thao Giải trí	Cùng Tập đoàn	Công nợ	861.524.000	-
Phải trả người bán				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	Công ty mẹ	Công nợ	575.632.980	1.408.824.000
Phải trả, phải nộp khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	Công ty mẹ	Cổ tức	648.720.000	-

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Hồng Liễu

Nguyễn Đức Khương